

Bán ra

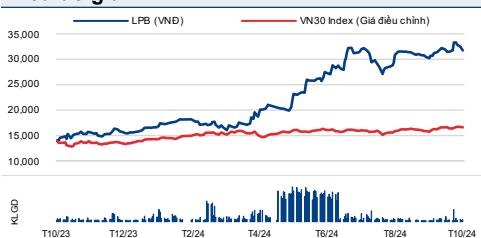
Giá mục tiêu: VNĐ18,000

Tiềm năng tăng/giảm: -43.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/10/2024)	32,100
Mã Bloomberg	LPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	14,000-33,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,125
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	82,099
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,259
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,558
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	128
Slg CP NN được mua (tr.đv)	115
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	5.00%
Tỷ lệ sở hữu của NN	0.50%
Tỷ lệ freefloat	83.2%
Cổ đông lớn	VNPost (6.54%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	382,863	449,631	530,942
Dư nợ cho vay (ntđ)	275,453	319,525	370,649
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	15,625	20,075	23,448
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5,572	7,626	8,176
BVPS (đồng)	13,340	16,023	18,932
EPS (đồng)	1,983	2,713	2,909
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	16.8	16.0	16.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	10.3	28.5	16.8
Tăng trưởng EPS (%)	25.0	36.8	7.21
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	19.2	20.3	18.3
ROAA (%)	1.57	1.83	1.67
Tỷ lệ NIM (%)	3.23	3.79	3.84
Tỷ lệ CIR (%)	36.9	30.9	33.8
Hệ số CAR (%)	12.2	12.2	12.1
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.34	1.40	1.40
LLR/nợ xấu (%)	93.8	86.5	85.1
Hệ số LDR (%)	116	110	108
P/B (lần)	2.41	2.00	1.70
P/E (lần)	16.2	11.8	11.0
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng LP là ngân hàng quy mô vừa, được thành lập vào năm 2008, tập trung cho vay bán lẻ và doanh nghiệp SME.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính

tung.nguyenthanh@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính

ha.plien@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Tăng trưởng mạnh nhưng rủi ro vẫn hiện hữu

- LNTT Q3/2024 của LPB tăng mạnh 133,7% đạt 2,9 nghìn tỷ đồng, nhờ đó LNTT 9 tháng đầu năm 2024 đạt 8,8 nghìn tỷ đồng, tăng 139,2%. Kết quả này là nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng mạnh, chi phí hoạt động thắt chặt và chi phí dự phòng thấp hơn dự báo.
- Những lo ngại về chất lượng lợi nhuận và chất lượng tài sản vẫn hiện hữu. Lãi dự thu đã tăng đáng kể kể từ đầu năm và bằng lần lượt 21% và 11% thu nhập lãi Q3/2024 và 9 tháng đầu năm 2024. Ngoài ra, tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2% từ 1,7% trong Q2/2024 và 1,3% tại thời điểm cuối năm 2023, từ đó dẫn đến rủi ro suy giảm lợi nhuận trong tương lai.
- HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và dự báo. LPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,7 lần, cao hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,1 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

LPB đã công bố BCTC Q3/2024 vào ngày 18/10/2024 với LNTT tăng trưởng ba con số đạt 2,9 nghìn tỷ đồng nhờ thu nhập lãi thuần và lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh, cùng với đóng góp từ các biện pháp kiểm soát chi phí. Lợi nhuận Q3 vượt 45% dự báo của chúng tôi chủ yếu do chi phí dự phòng thấp hơn đáng kể so với dự báo. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT đạt 8,8 nghìn tỷ đồng, tăng 139,2% so với cùng kỳ và bằng 92,3% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi không nhận thấy sự cải thiện ở chất lượng tài sản cũng như chất lượng lợi nhuận của Ngân hàng.

Thu nhập lãi thuần tăng 43,5% so với cùng kỳ nhưng lãi dự thu tăng mạnh

Thu nhập lãi thuần đạt 3.778 tỷ đồng (tăng 43,5% so với cùng kỳ) trong Q3/2024 và đạt 10.887 tỷ đồng (tăng 38,6% so với cùng kỳ) trong 9 tháng đầu năm 2024 nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ và tỷ lệ NIM hồi phục.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, LPB

Tổng thu nhập HĐ tăng mạnh & chi phí được thắt chặt giúp LNTT tăng mạnh mẽ

	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	% dự báo của HSC
Thu nhập lãi thuần	2,633	3,778	43.5%	7,857	10,887	38.6%	70.6%
Thu nhập ngoài lãi	481	1,291	168.0%	1,277	3,491	173.3%	75.0%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	164	1,016	518.6%	640	2,701	322.2%	80.5%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	205	99	-51.9%	369	291	-21.2%	55.6%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	-	12	-	26	33	28.6%	157.7%
Thu nhập khác	112	119	6.2%	211	392	85.3%	56.2%
Lợi nhuận từ các khoản góp vốn mua cổ phần	-	45	-	31	75	140.0%	130.5%
Tổng thu nhập HĐ	3,114	5,069	62.8%	9,134	14,379	57.4%	71.6%
Chi phí HĐ	1,341	1,538	14.7%	4,165	4,161	-0.1%	67.0%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	1,773	3,531	99.1%	4,969	10,218	105.6%	73.7%
Chi phí dự phòng	533	632	18.6%	1,282	1,401	9.2%	32.5%
LNTT	1,241	2,899	133.7%	3,687	8,818	139.2%	92.3%
Lợi nhuận thuần	993	2,330	134.7%	2,944	7,050	139.4%	92.4%

Nguồn: LPB, HSC

Tăng trưởng tín dụng: Tăng trưởng tín dụng của LPB đạt 16,1% kể từ đầu năm, nằm trong số những NHTM có tăng trưởng tín dụng cao nhất ngành, và cao hơn một chút so với Q2/2024 (tăng 15,2% kể từ đầu năm). HSC tin rằng LPB đã sử dụng toàn bộ hạn mức tăng trưởng tín dụng được cấp trong năm nay nhưng nhiều khả năng sẽ được bổ sung thêm hạn mức trong Q4/2024. Mức tăng trưởng này tương đương mức nền tín dụng tăng 21,3% so với cùng kỳ, đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng mạnh của thu nhập lãi thuần.

Tỷ lệ NIM cải thiện 36 điểm cơ bản so với cùng kỳ chủ yếu nhờ chi phí huy động giảm. Tuy nhiên, so với quý trước, tỷ lệ NIM giảm 5 điểm cơ bản xuống 3,4% do lợi suất gộp giảm nhẹ trong khi chi phí huy động đi ngang. Ngân hàng có thể đã tăng phí dịch vụ cho khách hàng thay vì duy trì lãi suất cho vay, từ đó giúp lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh 518,6%.

Lãi dự thu: Lo ngại đáng kể đến từ việc lãi dự thu tăng mạnh và bằng 21% thu nhập lãi Q3/2024 và 11% tổng thu nhập lãi 9 tháng đầu năm 2024. Điều này có thể dẫn đến những rủi ro tiềm ẩn về lợi nhuận và chất lượng tài sản của Ngân hàng.

Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh 518,6% như kỳ vọng

Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh 518,6% đạt 1.016 tỷ đồng trong Q3/2024, và đạt 2.701 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng 322,2% so với cùng kỳ, bằng 80,5% dự báo cả năm của chúng tôi. Như đã phân tích trong báo cáo trước đó, HSC tin rằng LPB đã thu nhiều loại phí dịch vụ khác nhau cho khách hàng (ví dụ: phí bảo lãnh phát hành) thay vì nâng lãi suất cho vay. Những loại phí này được ghi nhận vào thu nhập phí khác (tăng mạnh 1.514% so với cùng kỳ trong Q3 và tăng 1.272% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2024). Trong khi đó, phí dịch vụ thanh toán & hoa hồng bảo hiểm đã giảm 28% trong 9 tháng đầu năm 2024. LPB có thể sẽ tiếp tục ghi nhận các loại phí khác kể trên trong ngắn hạn.

Chi phí dự phòng thấp mặc dù tỷ lệ nợ xấu tăng cao

Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2% từ 1,7% trong quý trước và 1,3% đầu năm nay, điều này cho thấy chất lượng tài sản đang suy yếu. Tỷ lệ nợ xấu Q3 cao hơn đáng kể so với mục tiêu nội bộ đặt ra tại ĐHCĐ năm 2024 là dưới 1% và dự báo của chúng tôi là 1,4%.

Mặc dù tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh, chi phí dự phòng chỉ bằng 32,5% dự báo cả năm của chúng tôi do chúng tôi dự báo Ngân hàng sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn để xóa nợ xấu. Trong quá khứ, LPB thường trích lập mạnh dự phòng trong Q4 hàng năm để xử lý nợ xấu, nhưng điều này phụ thuộc vào quyết định của BLĐ. Do đó tồn tại rủi ro việc trích lập dự phòng có thể được trì hoãn sang năm sau và từ đó sai lệch so với dự báo của chúng tôi.

Tiếp tục thắt chặt chi phí hoạt động

Trong Q3/2024, chi phí hoạt động tăng 14,7% so với cùng kỳ với hệ số CIR tăng lên 30,3% từ 25,7% trong Q2/2024 nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với bình quân quá khứ ở mức hơn 40%. Tỷ lệ chi phí hoạt động/tín dụng cũng phản ánh xu hướng này với mức dưới 1,9%, so với hơn 2% trong quá khứ.

Mặc dù các biện pháp cắt giảm chi phí có thể hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận ngắn hạn, HSC tin rằng những biện pháp này sẽ không đem lại lợi thế cạnh tranh trong dài hạn cho Ngân hàng đặc biệt là khi các đối thủ cạnh tranh đang đẩy mạnh chi tiêu để thu hút nhân tài và cải tiến công nghệ, những yếu tố rất quan trọng giúp gia tăng lợi thế cạnh tranh trong tương lai.

Duy trì khuyến nghị Bán ra, giá mục tiêu và dự báo

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Bán ra, giá mục tiêu và dự báo mặc dù lợi nhuận Q3/2024 và 9 tháng đầu năm 2024 tăng trưởng mạnh. Điều này là do những lo ngại về rủi ro tiềm ẩn đối với lợi nhuận và chất lượng tài sản cũng như việc giá cổ phiếu cao hơn giá trị. LPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,7 lần, cao hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,1 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	25,226	32,354	33,366	38,333	45,399
Chi phí lãi	(13,326)	(21,151)	(17,945)	(19,899)	(24,161)
Thu nhập lãi thuần	11,900	11,203	15,421	18,434	21,238
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,662	3,566	3,355	3,727	4,323
Lãi thuần HĐ KDNH	10.5	435	523	414	480
Lãi/lỗ từ mua bán CK	343	25.0	21.0	109	137
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	53.9	49.3	57.5	54.9	54.9
Thu nhập khác	201	347	697	709	832
Tổng thu nhập HĐ	14,170	15,625	20,075	23,448	27,066
Chi phí HĐ	(5,307)	(5,760)	(6,212)	(7,937)	(9,207)
LN trước dự phòng	8,863	9,865	13,863	15,511	17,859
Chi phí dự phòng	(3,174)	(2,826)	(4,311)	(5,291)	(6,578)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,690	7,039	9,551	10,220	11,280
Chi phí thuế TNDN	(1,179)	(1,467)	(1,925)	(2,044)	(2,256)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	4,510	5,572	7,626	8,176	9,024
EPS (đồng)	1,586	1,983	2,713	2,909	3,211
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,521	2,558	2,558	2,558	2,558
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,558	2,558	2,558	2,558	2,558
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,558	2,558	2,558	2,558	2,558

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,984	2,383	2,354	4,007	4,777
Tiền gửi tại NHNN	10,324	14,578	11,570	13,784	16,434
Tiền gửi tại các TCTD khác	31,968	35,528	61,146	75,306	93,542
Chứng khoán kinh doanh	566	580	488	841	1,070
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	230,894	271,994	315,656	366,231	424,828
Tổng dư nợ cho vay	235,767	275,453	319,525	370,649	429,953
Dự phòng rủi ro	(4,873)	(3,458)	(3,869)	(4,418)	(5,125)
Chứng khoán đầu tư	42,007	46,844	48,282	59,264	75,366
CK đầu tư sẵn sàng để bán	42,007	46,844	48,282	59,264	75,366
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	0	0	0	(0.26)	(0.26)
Đầu tư dài hạn	316	349	549	549	549
Tài sản cố định	1,693	1,950	2,454	2,527	2,603
Tài sản khác	6,993	8,656	7,132	8,433	9,897
Tổng tài sản	327,746	382,863	449,631	530,942	629,066
Nợ phải trả	303,691	348,746	408,649	482,520	572,432
Tiền gửi của NHNN	3,077	89.6	99.0	114	133
Tiền gửi của các TCTD khác	39,660	50,112	58,154	65,605	76,102
Tổng tiền gửi KH	215,888	237,392	289,254	344,604	410,844
Trái phiếu và CCTG	35,048	47,910	47,088	56,098	66,882
Nợ khác	9,976	13,166	12,781	14,826	17,198
Vốn chủ sở hữu	24,055	34,117	40,982	48,422	56,634
Vốn điều lệ	17,291	25,576	25,576	25,576	25,576
Thặng dư vốn cổ phần	0.06	0.06	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	3,904	4,845	10,679	16,708	23,408
Quỹ & vốn khác của CSH	2,860	3,696	4,727	6,138	7,650
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	327,746	382,863	449,631	530,942	629,066
BVPS (đồng)	9,405	13,340	16,023	18,932	22,143

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.3	16.8	17.4	18.1	18.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	12.8	16.8	16.0	16.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	19.8	9.96	21.8	19.1	19.2
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	15.6	13.7	17.9	19.1	19.2
Tăng trưởng VCSH (%)	43.2	41.8	20.1	18.2	17.0
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	32.0	(5.86)	37.6	19.5	15.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	4.25	8.54	7.85	27.8	16.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	78.7	11.3	40.5	11.9	15.1
Tăng trưởng LNTT (%)	56.4	23.7	35.7	7.00	10.4
Tăng trưởng LN thuần (%)	57.0	23.5	36.9	7.21	10.4
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.59	4.40	4.82	4.78	4.67
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.72)	(1.62)	(1.49)	(1.62)	(1.59)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.3	97.6	97.8	98.0	98.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.16	1.47	1.83	2.08	2.33
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	3.99	5.16	7.37	8.23	9.47
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	20.2	16.2	11.8	11.0	10.00
P/B (lần)	3.41	2.41	2.00	1.70	1.45
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	31.8	35.7	38.0	34.9	33.3
ROAA (%)	1.46	1.57	1.83	1.67	1.56
ROAE (%)	22.1	19.2	20.3	18.3	17.2
Chi phí huy động BQ (%)	4.77	6.72	4.92	4.62	4.74
Lợi suất góp BQ (%)	8.40	9.33	8.20	7.98	7.99
Lợi suất thuần (%)	3.63	2.60	3.28	3.36	3.25
Tỷ lệ NIM (%)	3.96	3.23	3.79	3.84	3.74
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	11.7	22.8	16.7	15.9	16.0
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.0	71.7	76.8	78.6	78.5
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	16.0	28.3	23.2	21.4	21.5
Tỷ lệ CIR (%)	37.5	36.9	30.9	33.8	34.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.4	12.2	12.2	12.1	11.7
VCSH/Tổng TS (%)	7.34	8.91	9.11	9.12	9.00
Đòn bẩy vốn (lần)	13.6	11.2	11.0	11.0	11.1
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.45	1.34	1.40	1.40	1.40
Hệ số LLR (%)	142	93.8	86.5	85.1	85.1
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	109	116	110	108	105
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.6	14.9	14.7	14.1	13.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.9	71.9	71.1	69.8	68.3
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,129	1,079	1,035	993	953
Số lượng nhân viên	12,203	10,627	10,945	11,273	11,611

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn